

Phụ lục 1

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (sau khi bổ sung)	Số vốn bổ sung tăng	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	<u>TỔNG MỨC VỐN</u>	<u>26.279.874</u>	<u>26.344.654</u>	<u>64.780</u>	
I	Vốn cân đối ngân sách địa phương	18.038.342	18.038.342		
1	Vốn ngân sách tập trung	6.637.000	6.637.000		
2	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.287.000	3.287.000		
3	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết	7.525.000	7.525.000		
4	Vốn số dư dự toán năm 2020	70.000	70.000		
5	Tăng thu xổ số kiến thiết năm 2020	480.565	480.565		
6	Thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	38.777	38.777		
II	Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ	8.241.532	8.306.312	64.780	
1	Vốn trong nước	6.264.032	6.328.812	64.780	
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>457.877</i>	<i>522.657</i>	<i>64.780</i>	
2	Vốn nước ngoài (ODA)	807.000	807.000		
3	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển Kinh tế - Xã hội	1.170.500	1.170.500		

Phụ lục 2

DANH MỤC, MỨC VỐN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (ĐỢT 5)

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:		
								NSTW	(dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					541.545	221.726	64.780	156.946	
	Thực hiện đầu tư					541.545	221.726	64.780	156.946	
1	Các hoạt động kinh tế					541.545	221.726	64.780	156.946	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					64.780	64.780	64.780		
b	Giao thông					476.765	156.946		156.946	
	Cụ thể như sau:									
	Thực hiện dự án					541.545	221.726	64.780	156.946	
I	Các hoạt động kinh tế					541.545	221.726	64.780	156.946	
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					64.780	64.780	64.780		
	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					64.780	64.780	64.780		
	- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của TTCP	64.780	64.780	64.780		
2	Giao thông					476.765	156.946		156.946	
	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					476.765	156.946		156.946	
2.1	Nhóm B					476.765	156.946		156.946	
a	Hỗ trợ thành phố Cao Lãnh					133.878	50.000		50.000	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:		
								NSTW	ASST (dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Nâng cấp và mở rộng đường Phạm Hữu Lầu (cầu Cái Tôm đến đường Thiên Hộ Dương)	TPCL	UBND TPCL	2023-2025	38/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND TPCL (QĐ CTĐT)	133.878	50.000		50.000	
b	Hỗ trợ thành phố Sa Đéc					225.671	56.946		56.946	
	- Đường song song đường hoa Sa Đéc (Sa Nhiên – Cai Dao)	TPSĐ	UBND TPSĐ	2022-2024	471/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2022 của UBND TPSĐ (QĐDA)	225.671	56.946		56.946	
c	Hỗ trợ thành phố Hồng Ngự					117.216	50.000		50.000	
	- Đường Võ Nguyên Giáp, phường An Lộc	TPHN	UBND TPHN	2021-2024	530/QĐ-UBND ngày 17/5/2022; 516/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND TPHN (QĐDA)	117.216	50.000		50.000	